

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS-PT
Ngày 27 - 12 - 2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tòng Thị Hiền

Thẩm phán: Bà Đinh Thị Mai Lan, ông Đỗ Tuấn Long

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Hồng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2024/TLPT-KDTM ngày 05/11/2024 về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A1). Địa chỉ: số B, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

- **Đại diện theo ủy quyền:** Bà Mai Thúy P – Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh thành phố S. (thay ông Hà Đình M từ ngày 05/12/2024). Địa chỉ: Số I, đường T, tổ D, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- **Đại diện theo ủy quyền lại:** Ông Nguyễn Đại T – Phó Giám đốc Ngân hàng N chi nhánh thành phố S. Địa chỉ: Số I, đường T, tổ D, thành phố S, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Tổ D, phường

C, thành phố S. Chỗ ở hiện nay: Bản úm, xã H, huyện P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Ngọc C, bà Đinh Thu H - Luật sư thuộc văn phòng luật sư Trần C và cộng sự, đoàn luật sư thành phố H. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Trần Mai A. Địa chỉ: Tổ D, phường C, thành phố S. Chỗ ở hiện nay: Bản Úm, xã H, huyện P, tỉnh Sơn La. Có mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L - là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng A1) trình bày:*

Ngày 28/4/2023 ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng tín dụng số 7901-LAV- 2023.00719 với Phòng G - Ngân hàng A1 - Chi nhánh thành phố S để vay số tiền hạn mức đến 800.000.000 đồng, nhưng thực tế đã chuyển toàn bộ số dư tại Hợp đồng tín dụng số 7901-LAV-202200808 ngày 13 tháng 4 năm 2022 dư nợ là 683.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 28/04/2023; Mục đích vay: Kinh doanh cốt pha xây dựng.

Tài sản đảm bảo khoản vay theo Hợp đồng thế chấp số 11.2020/HĐTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 gồm: Thửa đất số 130a và 130b, tờ bản đồ số 71-12; 71-12; Diện tích: 125m² (Trong đó: Đất thổ cư 50m², đất vườn 75m²). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 359160, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 495/QSDĐ/414/QĐ-UB ngày 28/6/2004 mang tên Lò Thị D (Ngày 27/4/2019 bà D đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn T1). Tài sản trên đất 01 nhà khung sắt, xây tường gạch, mái lợp tôn. Địa chỉ thửa đất: Tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L đã vi phạm các điều khoản cam kết trong Hợp đồng tín dụng số 7901-LAV-2023.00719 ngày 28/4/2023 để nợ quá hạn phát sinh kể từ ngày 25/9/2023 mặc dù Ngân hàng A1 đã làm việc, đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn không thực hiện như đã cam kết. Tính đến ngày 28/9/2024 bị đơn đã trả được 10.859.671 đồng tiền lãi, còn nợ Ngân hàng là 785.456.243 đồng, trong đó: nợ gốc: 683.000.000 đồng, nợ lãi: 102.456.243 đồng.

Nay Ngân hàng A1 yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sơn La buộc ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L trả toàn bộ số nợ nêu trên. Ông Trần Văn T1

và Nguyễn Thị L tiếp tục chịu lãi phát sinh theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng đến khi tất toán khoản vay. Trong trường hợp ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L không trả hoặc không trả được nợ thì Ngân hàng A1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản đảm bảo. số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thì ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L vẫn tiếp tục trả nợ đến khi tất toán khoản vay.

- Bị đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bị đơn thừa nhận có hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, việc trả nợ gốc, nợ lãi như phía nguyên đơn trình bày.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn không vi phạm các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Việc để nợ quá hạn là lỗi của bà Đào Thị Mai H1 và bà Nguyễn Thị Bích D1 - cán bộ phòng G. Cụ thể: Ngày 08/5/2024 bị đơn đã thỏa thuận bán thửa đất số 130a và 130b (là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng N (A1) cho anh Hoàng Minh L1, trú tại: tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La với giá 2.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bị đơn và anh L1 đến phòng G để trả tiền cho Ngân hàng rút tài sản đảm bảo ra thì Ngân hàng đã đưa một nhóm người vào cản trở (Trong đó: có ông C1 Chung Toàn cán bộ thi hành án dân sự thành phố S, bà P1 – vợ cũ của ông T1 và một số người khác bị đơn không biết mặt), dẫn đến việc giao dịch bán đất của bị đơn và người mua đất không thực hiện được, gây thiệt hại cho bị đơn. Bị đơn không nhất trí với tất cả các yêu cầu của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Mai A trình bày:

Chị Trần Mai A và ông Trần Văn T1 có quan hệ cha con, hiện tại chị Mai A vẫn đang sinh sống cùng ông T1, bà L. Đối với số tiền vay gốc và tài sản thế chấp đúng như nguyên đơn, bị đơn trình bày. Chị nhất trí với nội dung ý kiến của bị đơn.

* Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã Quyết định:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 117, 119, 317, 318, 319, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 95, khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 7, Điều 8, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Các Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số

326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

X:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N (A1):

Buộc bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N (A1) số tiền nợ tính đến ngày 28/9/2024 là: 785.456.243 đồng (Bảy trăm tám mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng).

Trong đó:Nợ gốc: 683.000.000 đồng (Sáu trăm tám mươi ba triệu đồng).

Nợ lãi: 102.456.243 đồng (Một trăm linh hai triệu bốn trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bốn ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/9/2024 sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 7901- LAV- 2023.00719 ngày 28 tháng 4 năm 2023 cho đến khi thanh toán nợ xong.

2. Trường hợp ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng N (A1) có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 11.2020/HĐTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 gồm: Thửa đất số 130a và 130b, tờ bản đồ số 71-12; 71-12; Diện tích: 125m² (Trong đó: Đất thổ cư 50m², đất vườn 75m²). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 359160, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 495/QSĐĐ/414/QĐ-UBND ngày 28/6/2004 mang tên Lò Thị D, ngày 27/4/2019 bà D đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn T1. Tài sản trên đất 01 nhà khung sắt, xây tường gạch, mái lợp tôn. Địa chỉ thửa đất: Tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ, ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng N (A1) cho đến khi hết nợ.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng N (A1) toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tài sản tại chỗ là 8.900.000 đồng (Tám triệu chín trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L phải chịu 35.418.250 đồng (Ba mươi lăm triệu bốn trăm mười tám nghìn hai trăm năm mươi đồng) tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch.

Trả lại cho Ngân hàng N (A1) số tiền 16.512.000đ (Mười sáu triệu năm trăm mười hai nghìn đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001530 ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

* Sau khi xét xử sơ thẩm: Ngày 07/10/2024, bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Ý kiến của bị đơn và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng như việc ủy quyền của ông Hà Đình M cho ông Nguyễn Đại T không rõ ràng, không ủy quyền tham gia tố tụng; cấp sơ thẩm không ghi nhận và hướng dẫn bà L, ông T1 làm thủ tục phản tố, đề nghị căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại. Trường hợp không hủy bản án đề nghị xác định Ngân hàng có lỗi nên ông bà T1, L không phải chịu lãi xuất.

- Ý kiến của nguyên đơn: Không nhất trí nội dung kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nhất trí nội dung kháng cáo của ông, bà Thành L2, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét theo nội dung kháng cáo.

- Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngày 28/4/2023, ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L (địa chỉ: Tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La) ký hợp đồng tín dụng với Phòng G - Ngân hàng A1 - Chi nhánh thành phố S để vay tiền với mục đích Kinh doanh cốt pha xây dựng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do xác định ông T1, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A2 đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ông T1, bà L trả toàn bộ số nợ (gốc + lãi). Ông T1, bà L không nhất trí với yêu cầu khởi kiện trên. Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” và thụ lý giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quy định.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng phía bị đơn cho rằng cấp sơ thẩm có vi phạm tố tụng và đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do: Việc ủy quyền của ông Hà Đình M cho ông Nguyễn Đại T không rõ ràng, không ủy quyền tham gia tố tụng; cấp sơ thẩm không ghi nhận và hướng dẫn bà L, ông T1 làm thủ tục phản tố, đề nghị căn cứ Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại.

Thấy rằng, việc ủy quyền giữa giám đốc Ngân hàng A1 cho ông Nguyễn Đại T tham gia tố tụng tại Tòa án là đúng quy định. Đối với kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm không ghi nhận và hướng dẫn ông bà L, T1 làm thủ tục phản tố: Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ phía bị đơn nhất trí yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

[2.1]. Xác định các khoản vay giữa các bên: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn, có căn cứ xác định:

Ngày 28/4/2023 ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng tín dụng số 7901-LAV- 2023.00719 với Phòng G - Ngân hàng N (gọi tắt là A1) - Chi nhánh thành phố S để vay số tiền hạn mức đến 800.000.000 đồng, nhưng thực tế đã chuyển toàn bộ số dư tại Hợp đồng tín dụng số 7901-LAV-202200808 ngày 13 tháng 4 năm 2022 dư nợ là 683.000.000 đồng. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 28/04/2023. Hợp đồng được ký kết đúng quy định của pháp luật.

Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 11.2020/HĐTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 gồm: Thửa đất số 130a và 130b, tờ bản đồ số 71-12; 71-12; Diện tích: 125m² (Trong đó: Đất thổ cư 50m², đất vườn 75m²). Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 359160, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 495/QSĐĐ/414/QĐ-UB ngày 28/6/2004 mang

tên Lò Thị D (Ngày 27/4/2019 bà D đã chuyển nhượng cho ông Trần Văn T1). Tài sản trên đất 01 nhà khung sắt, xây tường gạch, mái lợp tôn. Địa chỉ thửa đất: Tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La (Các bên không ký kết lại hợp đồng thế chấp mà sử dụng hợp đồng thế chấp trước đó đã ký cho khoản vay tại thời điểm trước, chỉ thực hiện việc định giá lại tài sản thế chấp).

[2.2]. Về việc thanh toán các khoản vay:

Ngân hàng A1 xác định đã thực hiện rải ngân tổng cộng 05 lần cho khoản vay 683.000.000 đồng, phía bị đơn ông T1, bà L mới thực hiện việc trả lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 10.859.671 đồng, đồng thời để quá hạn việc trả nợ đối với khoản vay trên.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông T1, bà L thừa nhận về quá trình thanh toán khoản vay, thừa nhận việc để nợ quá hạn về số tiền nợ, thời gian chưa trả nợ như ngân hàng đã trình bày. Tuy nhiên bị đơn cho rằng việc để nợ quá hạn là lỗi của Ngân hàng, không phải lỗi của bị đơn. Cụ thể bị đơn xác định Ngày 08/5/2023 bị đơn đã thỏa thuận bán thửa đất số 130a và 130b (là tài sản đang thế chấp tại Ngân hàng N (A1) cho anh Hoàng Minh L1, trú tại: tổ D, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La với giá 2.250.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi bị đơn và anh L1 đến phòng G để trả tiền cho Ngân hàng rút tài sản đảm bảo ra thì Ngân hàng đã đưa một nhóm người vào cản trở (Trong đó: có ông C1 Chung Toàn cán bộ thi hành án dân sự thành phố S, bà P1 – vợ cũ của ông T1 và một số người khác bị đơn không biết mặt), dẫn đến việc giao dịch bán đất của bị đơn và người mua đất không thực hiện được.

Theo lời khai của bà Đào Thị Mai H1, bà Nguyễn Thị Bích D1 (nguyên giám đốc, phó giám đốc phòng G), biên bản xác nhận sự việc của ông Chăm Trung T2 thì sự việc tranh chấp không liên quan đến việc thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng, cũng không phải do phía Ngân hàng chủ động đưa người đến ngăn cản việc ông T1, bà L trả nợ. Anh Hoàng Minh L1 cũng xác nhận không tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông T1 bà L là do thửa đất đang có sự tranh chấp giữa bị đơn và vợ cũ của ông T1, không có sự cản trở từ cán bộ Ngân hàng. Ông T1, bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện việc có động thái trả nợ tại thời điểm đó. Mặt khác, sau thời điểm ngày 08/5/2023 phía ông T1, bà L cũng không hề thực hiện việc thanh toán các khoản nợ để rút tài sản đảm bảo như đã trình bày, đồng thời để nợ quá hạn. Mặc dù phía ngân hàng đã nhiều lần thông báo ông T1, bà L đến trả nợ nhưng phía ông T1, bà L đều không thực hiện dẫn tới việc Ngân hàng phải khởi kiện tới Tòa án. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A1 buộc ông T1, bà L phải có trách nhiệm thanh toán nợ gốc và lãi theo quy định là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3]. Từ những nhận định, phân tích nêu trên, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

[4]. Về án phí:

Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T1, bà Nguyễn Thị L. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 11/2024/KDTM-ST ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

2. Về án phí phúc thẩm:

- Bị đơn ông Trần Văn T1 và bà Nguyễn Thị L phải chịu án 2.000.000đ (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số: 0002567 ngày 30/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La (do ông Bùi Mạnh H2 nộp thay). Bị đơn ông T1, bà L đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (27/12/2024).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mai Lan Đỗ Tuấn Long

Tòng Thị Hiền

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La;
- Tòa án nhân dân thành phố Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV-THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tòng Thị Hiền